

Số: 5014 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 10599/TTr-SYT ngày 31 tháng 7 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **06** thủ tục hành chính lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, gồm: 05 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự I.1.2, II.2, III.2, III.3, III.4 và III.5 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- TTUB: CT, PCT Nguyễn Mạnh Cường;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ**  
**LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan thực hiện                                  | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt<br>(Mã TTHC: 2.000972) | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian hoàn thành quan sát y tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt hoặc một tro cốt không quá 15 phút.</li><li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt hoặc một tro cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ.</li><li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một thi thể, hài cốt, tro cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ và kiểm dịch viên y tế tiếp cận được với thi thể, hài cốt, tro cốt cần được kiểm tra.</li><li>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một dụng cụ chứa thi thể hoặc</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với thi thể, hài cốt nhập cảnh: kiểm tra, xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu.</li><li>- Đối với thi thể xuất khẩu kiểm tra, xử lý y tế trực tiếp tại các cơ sở y tế thực hiện xử lý y tế.</li><li>- Đối với hài cốt, tro cốt xuất khẩu kiểm tra, xử lý y tế trực tiếp tại các trụ sở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (số 180 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, TP.HCM; số 31 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP HCM)</li></ul> | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông báo số 1885/2024/TB-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về quy định giá tối đa của dịch vụ kiểm dịch y tế;</li><li>- Quyết định số 528/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.</li></ul> | <ol style="list-style-type: none"><li>1. Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025.</li><li>2. Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh.</li><li>3. Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 118/2025/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và</li></ol> |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                         | Cơ quan thực hiện                                  | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                        | hải cốt hoặc tro cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn. |                                                                                                                                                                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                                                             | <p>Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>4. Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.</p> <p>5. Thông báo số 1885/2024/TB-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về quy định giá tối đa của dịch vụ kiểm dịch y tế.</p> |
| 2  | Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa<br>(Mã TTHC: 2.000981) | <p>- Thời gian hoàn thành việc quan sát y tế đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin.</p>                                                             | Kiểm tra / xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu hoặc tại các trụ sở của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (số 180 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, TP.HCM; số 31 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TPHCM) | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh | <p>- Thông báo số 1885/2024/TB-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về quy định giá tối đa của dịch vụ kiểm dịch y tế;</p> <p>- Quyết định số 528/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá cụ</p> | <p>6. Quyết định số 528/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.</p> <p>7. Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục</p>        |

| TT | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                           | Cơ quan thực hiện                      | Phí, lệ phí                                                             | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                            | <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p> |                                              |                                        | thể dịch vụ kiểm dịch y tế do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.            | hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh. |
| 3  | Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải | <b>1. Đối với phương tiện vận chuyển đường bộ và đường hàng không:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Kiểm tra / xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố | - Thông báo số 1885/2024/TB-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về quy định |                                                                                                                                                                                                                                                              |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | (Mã TTHC: 2.000993)    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian quan sát không quá 15 phút với phương tiện vận chuyển đường bộ và đường hàng không;</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận chuyển không quá 10 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin;</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 45 phút đối với phương tiện vận chuyển đường bộ, đường hàng không. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế trong kiểm dịch y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ;</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế không quá 01 giờ đối với một phương</li> </ul> |                    | Hồ Chí Minh       | <p>giá tối đa của dịch vụ kiểm dịch y tế;</p> <p>- Quyết định số 528/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.</p> |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|-------------|----------------|
|    |                        | <p>tiện vận chuyển đường bộ hoặc một tàu bay. Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bắt chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận chuyển đường bộ hoặc một tàu bay.</p> <p><b>2. Đối với phương tiện vận tải đường sắt và đường thủy:</b></p> <p>- Thời gian quan sát không quá 30 phút với phương tiện vận chuyển đường sắt, đường thủy (bao gồm cả phương tiện đường biển);</p> |                    |                   |             |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|-------------|----------------|
|    |                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận chuyển không quá 10 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin;</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 1,5 giờ đối với phương tiện vận chuyển đường sắt, đường thủy. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế trong kiểm dịch y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ;</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế không quá 01 giờ đối với một toa tàu hỏa, không quá 06 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận chuyển thuộc diện</li> </ul> |                    |                   |             |                |



| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện | Cơ quan thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|-------------|----------------|
|    |                        | <p>phải xử lý y tế. Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bắt chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một toa tàu hỏa, 04 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p> <p>- Thời gian cấp Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hoặc Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</p> |                    |                   |             |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                          | Cơ quan thực hiện                                  | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 4  | Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người<br>(Mã TTHC: 1.002204) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành quan sát y tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ hoặc thông tin.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ khi nộp đủ giấy tờ và kiểm dịch viên y tế tiếp cận được với mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cần được kiểm tra.</li> <li>- Thời gian bắt đầu tiến hành xử lý y tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người trong vòng 01</li> </ul> | Kiểm tra / xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu hoặc tại các trụ sở của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (số 180 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, TP.HCM; số 31 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP.HCM) | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo số 1885/2024/TB-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về quy định giá tối đa của dịch vụ kiểm dịch y tế;</li> <li>- Quyết định số 528/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.</li> </ul> |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan thực hiện                                                      | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                          | giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế yêu cầu xử lý y tế. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                        |                |                |
| 5  | Xác định trường hợp được bồi thường khi sử dụng vắc xin, sinh phẩm trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch khi có đề nghị của người được tiêm chủng hoặc tiêm chủng hoặc thân nhân của người được tiêm chủng<br>(Mã TTHC: 1.001386) | 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.          | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh:</p> <p>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương.</p> <p>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p> | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<br>(Sở Y tế) | Không quy định |                |

**B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                  | <b>Quyết định đã công bố danh mục thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                        | <b>Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.<br>(Mã TTHC: 2.000997) | Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (thứ tự II.2) | <p><b>1.</b> Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh.</p> <p><b>2.</b> Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Phòng bệnh quy định tại Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh.</p> |